Chi tiết mã HS 7104.91.00

Mã HS	7104.91.00
Mô tả hàng hóa	Đá quý hoặc đá bán quý tổng hợp hoặc tái tạo, đã hoặc chưa gia công hoặc phân loại nhưng chưa xâu thành chuỗi, chưa gắn hoặc nạm dát; đá quý hoặc đá bán quý tổng hợp hoặc tái tạo chưa phân loại, đã được xâu thành chuỗi tạm thời để tiện vận chuyển / - Loại khác: / - - Kim cương
Đơn vị	carat
Thời điểm tạo	08/11/2026 09:34:16
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/71049100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10678
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10678
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10678
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ10678
Thuế XK ưu đãi CPTPP	5	5%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM10678
Thuế XK ưu đãi EVFTA	5	5%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP10678
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	5	5%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS10678

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10128
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10079
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10079
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10079
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10079
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10079
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10079
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10131
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10131
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10131
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10131

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10131
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10131
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10132
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10132
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10132
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10132
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10132
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10132
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10133
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10085
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10091
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10091
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10091
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10091
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10091
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10091
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10116
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10116
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10116
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10116
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10116
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10116
VCFTA	2022	2022	0	VC!D10169
VCFTA	2023	2023	0	VC!E10169
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10169
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10169

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10169
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10169
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10154
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10154
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10154
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10154
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10154
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10154
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10154
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10154
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10154
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10154
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10154
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10154
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10171
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10171
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10171
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10171
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10171
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10171
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10170
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10170
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10170
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10170
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10170
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10170

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10111
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10111
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10111
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10111
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10111
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10111
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10111
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10148
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10148
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10148
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10148
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10148
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10148
RCEP B	2022	2022	0	B!D10148
RCEP B	2023	2023	0	B!E10148
RCEP B	2024	2024	0	B!F10148
RCEP B	2025	2025	0	B!G10148
RCEP B	2026	2026	0	B!H10148
RCEP B	2027	2027	0	B!I10148
RCEP C	2022	2022	0	C!D10148
RCEP C	2023	2023	0	C!E10148
RCEP C	2024	2024	0	C!F10148
RCEP C	2025	2025	0	C!G10148
RCEP C	2026	2026	0	C!H10148
RCEP C	2027	2027	0	C!I10148
RCEP D	2022	2022	0	D!D10147

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E10147
RCEP D	2024	2024	0	D!F10147
RCEP D	2025	2025	0	D!G10147
RCEP D	2026	2026	0	D!H10147
RCEP D	2027	2027	0	D!I10147
RCEP E	2022	2022	0	E!D10151
RCEP E	2023	2023	0	E!E10151
RCEP E	2024	2024	0	E!F10151
RCEP E	2025	2025	0	E!G10151
RCEP E	2026	2026	0	E!H10151
RCEP E	2027	2027	0	E!I10151
RCEP F	2022	2022	0	F!D10148
RCEP F	2023	2023	0	F!E10148
RCEP F	2024	2024	0	F!F10148
RCEP F	2025	2025	0	F!G10148
RCEP F	2026	2026	0	F!H10148
RCEP F	2027	2027	0	F!I10148
VIFTA	2024	2024	0	VI!F9386
VIFTA	2025	2025	0	VI!G9386
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9386
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9386

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 7104.91.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 7104.91.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7104.91.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7104.91.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10678), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.